

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HC - ST.
Ngày: 25 /11/ 2019
“V/v: Khiếu kiện QĐHC trong
lĩnh vực quản lý đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Thi
- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Xuân Thanh
Ông Trần Đình Đường

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Võ Duy Bảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm vụ án Hành chính thụ lý số 26/2019/TLST - HC ngày 25/02/2019 về việc yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 66a/2019/QĐXXST - HC ngày 08 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: + Ông Hồ Tiến Đ, sinh năm 1957; có mặt
+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960; vắng mặt

Cùng địa chỉ: Xóm Đ, xã Q, huyện Q, Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1950. Địa chỉ: Xóm a, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; (theo giấy ủy quyền ngày 19/3/2019); có mặt

Người bị kiện: + Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Q, Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Ngọc B: Chức vụ: Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An (theo giấy ủy quyền ngày 20/8/2019); vắng mặt.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Bình K: Chức vụ: Chủ tịch ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/8/2018, đơn yêu cầu bổ sung ngày 15/5/2019, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Thực hiện chủ trương chính sách của nhà nước, gia đình ông Hồ Tiến Đ di dân từ xã L lên thôn

L xã Q (nay là thôn Đ) để khai hoang sinh sống từ năm 1979. Tại vị trí và diện tích mà gia đình ông Đ đang sử dụng gồm: Các thửa 181, 232, 211, 212, 213, 214, 215, 216, 333 và thửa 189 tờ bản đồ địa chính 124 - 56. Gia đình ông Đ làm nhà ở và xưởng mộc từ năm 1997 trên thửa đất 232, tờ bản đồ 124 - 56 diện tích 928m² giáp đường quốc lộ 48. Đến khoảng năm 1981 thì gia đình ông Đ làm thêm nhà ở và sinh hoạt trên thửa đất 184 tờ bản đồ 124 - 56 diện tích 2.825m². Sau khi gia đình ông Đ làm đơn để được cấp giấy chứng nhận đất ở tại thửa đất 232, tờ bản đồ 124 - 56 diện tích 928m² nhưng UBND xã Q không chấp nhận ban hành thông báo số 34/TB - UBND ngày 19/9/2016 nhưng gia đình ông Đ không đồng ý và đã có đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND xã Q ban hành Quyết định số 24/QĐ -CT- UBND ngày 22/02/2017 về việc giải quyết khiếu nại của ông Hồ Tiến Đ, thôn Đ, xã Q (lần đầu).(gọi tắt Quyết định số 24/QĐ -CT- UBND) Không đồng ý Quyết định giải quyết khiếu nại của UBND xã Q ông Đ tiếp tục có đơn khiếu nại đến UBND huyện Q. Chủ tịch UBND huyện Q đã ban hành Quyết định số 2656/QĐ - UBND ngày 29/12/2017 về việc giải quyết khiếu nại của ông Hồ Tiến Đ, thôn Đ, xã Q (lần 2)).(gọi tắt Quyết định số 2656/QĐ - UBND). Ông Đ cho rằng tại Điều 1 Quyết định số 2656/QĐ - UBND giữ nguyên nội dung thông báo số 34/TB - UBND ngày 19/9/2016; Quyết định số 24/QĐ - CT- UBND đã vi phạm quyền lợi ích hợp pháp của ông Đ bà L; vi phạm điểm b khoản 1 điều 50, điểm b khoản 1 Điều 100 luật đất đai 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ - CP ngày 15/5/2014 của chính Phủ. Vì vậy, ông Đ, bà L khởi kiện đề nghị Hủy Quyết định số 2656/QĐ - UBND và hủy Thông báo số 34/TB - UBND ngày 19/9/2016 của UBND xã Q; hủy Quyết định số 24/QĐ - CT- UBND.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Qtrình bày: Thửa đất 232 tờ bản đồ số 124 - 56 diện tích 928m² có nguồn gốc do gia đình ông Hồ Tiến Đ từ xã L lên khai hoang từ năm 1979. Khoảng năm 1983 khi đo bản đồ 299 ông Đ kê khai thửa 232 tờ bản đồ 124 -56 vào đất nông nghiệp để tính diện tích thu thuế đất nông nghiệp. Đến năm 1996 ông Đ đã kê khai toàn bộ khu vực đất của gia đình ông để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được UBND huyện Qcấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 286234 mang tên Hồ Ngọc Đ với diện tích 3.800m²(trong đó 300m² đất ở và 3.500m² đất sản xuất nông nghiệp). Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình ông Đ đã có nhà ở tại thửa 184 tờ bản đồ 124 - 56, còn thửa 232 tờ bản đồ 124 - 56 là đất sản xuất nông nghiệp. Quá trình sử dụng thửa 232 tờ bản đồ 124 - 56: Từ năm 1979 đến năm 1984 sử dụng vào việc sản xuất nông nghiệp, từ năm 1984 đến năm 2005 sử dụng một phần diện tích vào sản xuất kinh doanh (làm xưởng mộc). Từ năm 2005 đến nay ông Đ không làm mộc, gia đình có trồng một số cây ăn quả và trồng cỏ. Như vậy, thửa 232 nêu trên từ thời điểm khai hoang đến nay chưa được sử dụng vào mục đích đất ở mà chỉ sử dụng một phần diện tích vào mục đích kinh doanh(làm xưởng mộc) và không sử dụng liên tục vào một mục đích nhất định.

Theo bản đồ quy hoạch nông thôn mới tại xã Q đã được UBND huyện Q phê duyệt ngày 29/6/2012, bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của xã Q được UBND huyện Q phê duyệt ngày 26/6/2014 và bản đồ quy hoạch Tuân

được UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt ngày 15/10/2010 thì tại vị trí thửa 232 tờ bản đồ 124 -56 được quy hoạch là đường giao thông và đất cây xanh. Căn cứ Luật đất đai 2013; Nghị Định 43/2014/NĐ – CP ngày 15/5/2014; Nghị định số 01/2017/NĐ - CP ngày 06/01/2017 thì thửa đất 232 tờ bản đồ 124 -56 mà ông Đ khiếu nại không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở. Như vậy Chủ tịch UBND xã Q không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Tiến Đ và bà Nguyễn Thị L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Q trình bày: Ngày 06/9/2016 UBND xã Q nhận được đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Hồ Tiến Đ tại xóm Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Ông Đ làm đơn xin được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở đối với thửa đất số 232, tờ bản đồ 124 - 56 diện tích 928m². Ngày 14/9/2016 UBND xã Q, họp hội đồng xét duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Kết quả hội đồng xét duyệt xác định: Nguồn gốc thửa đất gia đình ông Hồ Tiến Đ sử dụng từ năm 1979 tại tờ bản đồ 124 - 56 gồm có 10 thửa đất với tổng diện tích 5.363m², trong đó 300m² đất ở tại thửa 184 gia đình ông đã xây dựng nhà cửa và sinh sống trên thửa đất 184 tờ bản đồ 124 - 56.

Đối với thửa 232 tờ bản đồ 124 - 56 diện tích 928m² là đất nông nghiệp đã được UBND huyện giao cho gia đình ông Hồ Tiến Đ sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp không phải là đất ở. Do thửa 232 có cạnh bám đường Quốc lộ 48, vào khoảng năm 1984 đến năm 1985 ông Hồ Tiến Đ có xây dựng xưởng mộc để làm mộc, năm 1997 khi đo đạc bản đồ địa chính cán bộ đo đạc đã nhầm lẫn là đất thổ cư nên đã ghi chú thửa 232 là đất thổ cư. Việc bản đồ địa chính năm 1997 ghi đất thổ cư là sai.

Ngày 19/9/2019 của UBND xã Q ban hành thông báo số 34 – UBND về việc trả lời nội dung đề nghị của ông Hồ Tiến Đ. Sau khi nhận được thông báo số 34 ông Hồ Tiến Đ không đồng ý tiếp tục khiếu nại. Ngày 22/02/2017 Chủ tịch UBND xã Q ban hành quyết định số 24/QĐ-CT-UBND dựa trên cơ sở: Căn cứ vào sổ địa chính lập năm 1996 gia đình ông Đ bà L làm tờ khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 3.800m² đất ở, 3.500m² đất nông nghiệp. Căn cứ trích lục đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính số 128/BĐ/TL tờ số 1 phục vụ giải quyết khiếu nại tố cáo của ông Hồ Tiến Đ tại xóm Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; tỉ lệ 1:500 tại thửa 8 tờ bản đồ số 1 bản đồ đo vẽ bổ sung, tức thửa số 232 tờ bản đồ 124 - 56 diện tích 960.1m² thể hiện đất nông nghiệp (BHK, đất màu). Căn cứ Biên bản xét duyệt hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đất cho hộ ông Hồ Tiến Đ ngày 14/9/2016 xác định việc bản đồ địa chính đo năm 1997 thể hiện thửa 232 đất thổ cư là sai với thực tế về mục đích sử dụng đất.

Căn cứ Quyết định số 49/2014/QĐ - UBND ngày 19/8/2014 của UBND tỉnh Nghệ An về ban hành quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất lần đầu hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Căn cứ đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông Hồ Tiến Đ lập năm 1996. Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Tiến Đ.

Quá trình đối thoại, các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định hành chính gồm:

Quyết định số 2656/QĐ - UBND ngày 29/12/2017 về việc giải quyết khiếu nại của ông Hồ Tiến Đ, thôn Đ, xã Q (lần 2). (gọi tắt Quyết định số 2656/QĐ - UBND)

Quyết định số 24/QĐ - CT- UBND ngày 22/02/2017 về việc giải quyết khiếu nại của ông Hồ Tiến Đ, thôn Đ, xã Q (lần đầu). (gọi tắt Quyết định số 24/QĐ - CT - UBND)

Thông báo số 34/TB-UBND ngày 19/9/2016 của UBND xã Q, về việc trả lời nội dung đề nghị của ông Hồ Tiến Đ xóm Đ xã Q. Đề nghị Hội đồng xem xét để bảo đảm quyền lợi cho người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến về việc tuân theo quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, tài liệu, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán đã mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại theo quy định của pháp luật; việc tranh tụng tại phiên tòa của Hội đồng xét xử được tiến hành đúng theo quy định của Luật tố tụng Hành chính. Người khởi kiện, người bị kiện đã thực hiện và chấp hành quyền, nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật trong việc cung cấp tài liệu, chứng cứ và thực hiện các văn bản tố tụng của Tòa án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng Hành chính; Điều 17; Điều 18; Điều 31; Điều 40 Luật Khiếu nại; Điều 100; Điều 101, Điều 143; Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 348 Luật tố tụng Hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Tiến Đ và bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2656/QĐ - UBND ngày 29/12/2017 về việc giải quyết khiếu nại của ông Hồ Tiến Đ, thôn Đ, xã Q (lần 2).

Quyết định số 24/QĐ - CT- UBND ngày 22/02/2017 về việc giải quyết khiếu nại của ông Hồ Tiến Đ, thôn Đ, xã Q (lần đầu).

Thông báo số 34/TB-UBND ngày 19/9/2016 của UBND xã Q

Về án phí: Ông Hồ Tiến Đ sinh năm 1957 thuộc người cáo tuổi ông xin miễn án phí đề nghị Tòa án chấp nhận. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960 phải chịu án phí Hành chính sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và các đương sự, các quy định pháp luật hiện hành. Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định của Luật tố tụng Hành chính, thu thập tài liệu

chứng cứ, mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, đối thoại và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự.

[2] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng Hành chính. Người khởi kiện yêu cầu xem xét hủy bỏ quyết định hành chính, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trên cùng địa bàn tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng Hành chính.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 29/12/2017, Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định số 2656/QĐ - UBND. Ngày 10/8/2018 ông Hồ Tiến Đ bà Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện vụ án hành chính với nội dung: Yêu cầu hủy Quyết định số 2656/QĐ - UBND đang trong thời hiệu khởi kiện, được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng Hành chính.

Đối với Thông báo số 34/TB - UBND ngày 19/9/2016 về việc trả lời nội dung đề nghị của ông Hồ Tiến Đ xóm Đ xã Q và Quyết định số 24/QĐ – CT-UBND ngày 22/02/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Hồ Tiến Đ, xóm Đ xã Q (lần đầu) đã hết thời hiệu khởi kiện, vì là Quyết định hành chính liên quan nên Hội đồng xét xử phải xem xét theo quy định tại Điều 193 Luật tố tụng Hành chính.

[4] Về tính hợp pháp của quyết định hành chính bị khởi kiện:

[4.1] Đối với Quyết định số 2656/QĐ - UBND ngày 29/12/2017 về việc giải quyết khiếu nại của ông Hồ Tiến Đ, thôn Đ, xã Q (lần 2).

- Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành: Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông Hồ Tiến Đ không đồng ý với Quyết định số 24/QĐ –CT- UBND, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Q đã thành lập đoàn kiểm tra xác minh giải quyết khiếu nại, trên cơ sở báo cáo của đoàn kiểm tra xác minh. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Q đã ban hành Quyết định số 2656/QĐ - UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Hồ Tiến Đ, trú tại thôn Đ, xã Q (lần 2) là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 21, khoản 2 Điều 40 Luật khiếu nại và Điều 204 Luật Đất đai năm 2013.

Về cơ sở pháp lý: Quyết định số 2656/QĐ - UBND ngày 29/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Q có nội dung, giữ nguyên thông 34/TB - UBND ngày 19/9/2016 về việc trả lời nội dung đề nghị của ông Hồ Tiến Đ xóm Đ xã Q và Quyết định số 24/QĐ - UBND ngày 22/02/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Hồ Tiến Đ xóm Đ xã Q (lần đầu). Quyết định số 24/QĐ – CT - UBND ngày 22/02/2017 có nội dung giữ nguyên thông báo số 34 và không công nhận thửa đất 232 tờ bản đồ 124 - 56 diện tích 928m² (bản đồ địa chính) tức thửa số 8 (bản đồ đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính số 128 tờ số 1) do UBND huyện Q phê duyệt năm 2010 là đất thổ cư cho gia đình ông Hồ Tiến Đ.

Xét về nguồn gốc thửa đất 232 tờ bản đồ 124 -56 có diện tích 928m²:

Tại Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện: Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất không ghi ngày, tháng, năm, ông Hồ Tiến Đ 40 tuổi, vợ

Nguyễn Thị L 35 tuổi, thôn M trên đơn ghi thửa đất số 12 tờ bản đồ số 2 (bản đồ 299) tổng diện tích 3.800m² (trong đó 300m² đất thổ cư hạng 5; 500m² lúa màu hạng 4; 1.500m² lúa màu hạng 5; 500m² lúa màu hạng 6, có chữ ký của ông Hồ Tiến Đ; tại Thôn M sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thôn: 5; 8; 10B; 10A; 3; 2A; 7A; 6; 4B; 12; 7B; B; H; M; và N ghi ngày vào sổ 20/3/1996, số vào sổ 005, số giấy chứng nhận H286234 chủ sử dụng là ông Hồ Ngọc Đ thôn M, xã Q.

Sổ mục kê lập theo số liệu bản đồ địa chính ngày 12/9/2002 thể hiện: Tại trang 38 tờ bản đồ số 2 ghi: thửa 184 tờ bản đồ địa chính số 124 -56 diện tích 2825m² đất thổ cư, chủ sử dụng là ông Hồ Tiến Đ. Tại trang 39 quyển số 02 ghi: thửa 232 tờ bản đồ địa chính số 124 - 56 diện tích 928m² đất thổ cư, chủ sử dụng là ông Hồ Tiến Đ.

Sổ địa chính được lập vào ngày 06/01/1996: Tại trang 193 quyển sổ thôn H - thôn M ghi chủ sử dụng đất là ông Hồ Ngọc Đ vợ là Nguyễn Thị L; thửa số 12 tờ bản đồ 299 số 2 thôn M diện tích 3.800m² trong đó: 300m² đất ở hạng 5 thời hạn sử dụng ổn định lâu dài; 500m² đất sản xuất nông nghiệp hạng 4 thời gian sử dụng 20 năm; 1.500m² đất sản xuất nông nghiệp hạng 5 thời gian sử dụng 20 năm; 1.500m² đất sản xuất nông nghiệp hạng 6 thời gian sử dụng 20 năm;

Mặc dù tờ bản đồ số 2 bản đồ 299 của thôn M theo đại diện của UBND xã cho biết hiện nay đã bị thất lạc và không còn lưu giữ tại UBND xã, UBND huyện và UBND tỉnh. Bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 tờ bản đồ số 124 - 56 thể hiện gia đình ông Hồ Tiến Đ đang sử dụng 10 thửa đất diện tích 5,353,0m², trong đó thửa 232 diện tích 928m² là đất ở nông thôn (ONT).

Trích lục đo vẽ bản đồ địa chính số 128/BĐ/TL tờ số 1 do văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Q lập được UBND huyện phê duyệt thì thửa số 232 tờ bản đồ số 124 - 56 nay chỉnh lý lại là thửa số 8 diện tích là 960,0m² loại đất BHK (đất bằng trồng cây hàng năm khác).

Về nghĩa vụ tài chính: Căn cứ báo cáo thuế nhà đất của xóm M thấy ở số thứ tự 10 ghi A diện tích 300m² loại 5 phù hợp với báo cáo của xóm M đối với nghĩa vụ nộp thuế nhà đất của gia đình ông Đ, ông chỉ nộp thuế nhà đất đối với một thửa diện tích 300m² phù hợp thửa 184 tờ bản đồ 124 -56. Chứ không có căn cứ khẳng định ông Đ nộp thuế đất cho thửa 232 tờ bản đồ 124 -56.

Về quy hoạch nông thôn mới xã Q được UBND huyện phê duyệt ngày 26/6/2014 và bản đồ quy hoạch đô thị Tuần được ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt ngày 15/6/2010 tại vị trí thửa 232 tờ bản đồ 124 - 56 quy hoạch là đất giao thông và đất cây xanh.

Thực tế thửa 232 tờ bản đồ 124 - 56 từ trước đến nay gia đình ông Đ sử dụng từ năm 1989 đến năm 2005, gia đình ông Đ có xây dựng xưởng sản xuất gỗ. Từ năm 2005 đến nay không hoạt động nên xưởng xuống cấp. Năm 1996 nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Đ đã có đơn và kê khai diện tích đất ở 300m² điều này phù hợp với diện tích thửa đất hiện nay ông Đ đang sử dụng thửa 184 tờ bản đồ 124 - 56 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 300m² đất ở là phù hợp với việc gia đình ông Đ thực hiện nghĩa vụ tài chính thuế nhà đất đối với 300m² đất ở.

Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Thửa 232 tờ bản đồ 124 - 56 (bản đồ địa chính) nay là thửa số 8 (bản đồ đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính) gia đình ông Đ bà L khai hoang sử dụng từ năm 1979 còn sử dụng đến nay là đất sản xuất nông nghiệp. Gia đình ông Đ bà L đã được cấp giấy chứng nhận đất ở diện tích 300m² tại thửa 184 tờ bản đồ 124 - 56, từ trước đến nay gia đình ông Đ chỉ thực hiện nộp thuế nhà đất thửa tại thửa 184 tờ bản đồ 124 - 56, không nộp thuế nhà đất thửa số 232 tờ bản đồ 124 - 56. Thửa đất số 232 tờ bản đồ 124 - 56 diện tích 960m² được quy hoạch là đất hành lang giao thông và đất cây xanh. Tuy ông Đ cho rằng bản đồ địa chính năm 1997 ghi thửa 232 tờ bản đồ 124 -56 là đất thổ cư nhưng tại biên bản làm việc ngày 14/9/2016 hội đồng xét duyệt hồ sơ về nguồn gốc đất đã khẳng định: Việc bản đồ địa chính đo năm 1997 thể hiện thửa đất 232 đất thổ cư là sai, vì lý do tại thời điểm đo đạc năm 1997 đoàn đo đạc không kiểm tra xác minh cụ thể mà căn cứ việc có ngôi nhà (xưởng mộc) trên đất nên thể hiện là đất thổ cư là sai sót điều này phù hợp lời khai của người khởi kiện, người bị kiện xác định đó là nhà xưởng ông Đ xây dựng để làm mộc trên đất nông nghiệp, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phù hợp xác minh với ông Hồ Ngọc T, ông T khai năm 1984 anh trai ông là Hồ Ngọc Đ có cùng với ông Hồ Tiến Đ mở nhà xưởng làm mộc tại thửa 232, nhà xưởng làm nơi sản xuất đồ mộc và chỗ ăn ở cho công nhân, còn thời điểm này gia đình ông Đ đã làm nhà ở trên thửa 184 tờ bản đồ số 124 -56. Cũng phù hợp thửa nhận của ông Đ tại phiên tòa là từ 2005 gia đình ông Đ không còn sản xuất mộc nữa và đã đóng cửa cơ sở xưởng mộc; gia đình ông từ năm 1982 làm nhà ở sinh sống ổn định trên thửa đất 184 tờ bản đồ số 124 -56. Cũng phù hợp trình bày của ông Nguyễn Bình H thôn Tuần A, năm 1999 ông Hồ Tiến Đ đã xây móng nhà trên thửa đất 232 UBND xã đã thành lập đoàn công tác đến hiện trường lập biên bản đã đình chỉ và xử phạt vi phạm hành chính.

Như vậy, căn cứ định Điều 100; Điều 101, Điều 143; Điều 204 Luật đất đai 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị định 01/2017/NĐ - CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ ủy ban nhân dân huyện Q không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở đối với thửa đất số 232 tờ bản đồ 184 - 56 cho gia đình ông Hồ Tiến Đ là có căn cứ. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Tiến Đ và bà Nguyễn Thị L yêu cầu hủy Quyết định số 2656/QĐ - UBND ngày 22/12/2017 về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) đối với ông Hồ Tiến Đ, trú tại thôn Đ, xã Q, Nghệ An (lần hai).

[4.2] Đối với quyết định hành chính và hành vi hành chính liên quan:

Ông Hồ Tiến Đ và bà Nguyễn Thị L có khiếu nại việc UBND xã không xác nhận lập hồ cấp giấy chứng nhận đất ở cho ông là không đúng. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Q sau khi kiểm tra, xác minh nội dung khiếu nại, trên cơ sở báo cáo của đoàn xác minh khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Q đã ban hành Quyết định số 24/QĐ - UBND ngày 22/02/2017 về việc giải quyết khiếu nại của ông Hồ Tiến Đ xóm Đ xã Q (lần đầu) là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền được quy định tại Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Điều 17 và Điều 31 Luật Khiếu nại.

Về nội dung: Tại Quyết định số 24/QĐ - CT - UBND có nội dung giữ nguyên thông báo số 34 và không công nhận thửa đất 232 tờ bản đồ 124 - 56

diện tích 928m² (bản đồ địa chính) tức thửa số 8 (bản đồ đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính số 128 tờ số 1) do UBND huyện Q phê duyệt ngày 16/2010 là đất thổ cư cho gia đình ông Hồ Tiến Đ. Căn cứ vào hồ sơ quản lý đất đai qua các thời kỳ, thửa đất số 232, tờ bản đồ số 124 -56 chưa được UBND huyện giao đất ở cho gia đình ông Hồ Tiến Đ, mà thể hiện là đất nông nghiệp. Gia đình ông Hồ Tiến Đ cũng không cung cấp được bất kỳ tài liệu nào liên quan đến việc thửa số 232 tờ bản đồ 124 -56. Ông Đ cũng không chứng minh được đã thực hiện nghĩa vụ thuế đất cho nhà nước, trong hồ sơ sổ sách và thực tế thể hiện từ trước đến nay gia đình ông đã được nhà nước cấp cho 300m² đất ở tại thửa 184 tờ bản đồ 124 -56 và hiện nay gia đình ông đang sinh sống trên thửa đất 184. Việc ông Đ cho rằng hiện nay vẫn còn nhà cấp 4 và móng cũng một số cây gia đình ông trồng, nhưng căn cứ vào các tài liệu, lời khai của những người làm chứng thì đó là nhà xưởng, phù hợp với lời khai của ông Hồ Tiến Đ “đó là xưởng sản xuất mộc nhưng từ năm 2005 gia đình ông không sử dụng nữa”. Hơn nữa theo bản đồ quy hoạch Tuần của UBND tỉnh Nghệ An và UBND huyện Q thì thửa 232 quy hoạch là đất giao thông; Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã QChâu không chấp nhận khiếu nại của ông Hồ Tiến Đ về việc đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở đối với thửa 232 cho gia đình ông Hồ Tiến Đ là đúng quy định của Điều 100; Điều 101, Điều 143; Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Tiến Đ và bà Nguyễn Thị L.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên người khởi kiện phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm, nhưng xét ông Hồ Tiến Đ sinh năm 1957, thuộc người cao tuổi, tại phiên tòa ông có trình bày xin được miễn tiền án phí chấp nhận miễn tiền án phí cho ông Hồ Tiến Đ. Bà Nguyễn Thị L sinh năm 1960 khởi kiện không được Tòa án chấp nhận phải nộp tiền án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng Hành chính; Điều 17, Điều 18, Điều 31, Điều 40 Luật Khiếu nại; Điều 100; Điều 101, Điều 143; Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ - CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 348 Luật tổ tụng Hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Tiến Đ và bà Nguyễn Thị L yêu cầu hủy:

Quyết định số 2656/QĐ - UBND ngày 29/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện Q, về việc giải quyết khiếu nại của ông Hồ Tiến Đ, thôn Đ, xã Q (lần 2).

Quyết định số 24/QĐ –CT- UBND ngày 22/02/2017 của Chủ tịch UBND xã Q, huyện Q, về việc giải quyết khiếu nại của ông Hồ Tiến Đ, thôn SS, xã Q (lần đầu).

Thông báo số 34/TB-UBND ngày 19/9/2016 của UBND xã Q, về việc trả lời nội dung đề nghị của ông Hồ Tiến Đ xóm Đ xã Q.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí Hành chính sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000981 ngày 17/01/2019. Miễn tiền án phí hành chính sơ thẩm cho ông Hồ Tiến Đ.

Người khởi kiện có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thi